

Số: /SCT-VP₅
V/v công khai thực hiện thu chi
NSNN 9 tháng đầu năm 2024

Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được Ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Sở Công Thương đã đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công khai sử dụng ngân sách nhà nước tại đơn vị trực thuộc; tổng hợp, công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 tại Sở Công Thương. Cụ thể như sau:

- Hoạt động thu, chi: số thu phí 242.771.508 đồng, nộp ngân sách nhà nước 48.154.151 đồng; chi từ nguồn thu phí được để lại 85.530.000 đồng.
- Thu, chi sự nghiệp: 158.331.000 đồng; chi hoạt động thu sự nghiệp 105.542.000 đồng; bổ sung kinh phí hoạt động sự nghiệp 52.789.000 đồng.
- Chi quản lý hành chính 3.563.140.000 đồng đạt 37,47% kế hoạch.
- Chi sự nghiệp giáo, đào tạo 9.460.000 đồng đạt 35,04% kế hoạch.
- Chi hoạt động kinh tế 2.640.860.000 đồng đạt 28,77% kế hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn).

Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, P.Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP₅.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Thành

Phụ lục
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu	1.203,00	405,102	33,67	1,62
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	200,00	242,771	121,39	60,69
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	56,0	56,7	101,25	1,40
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	149,92	149,92	2,80
2.3	Phí thẩm định cấp GP hoạt động điện lực	4,8	9,6	200,00	1,78
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	10,5	12,75	121,43	1,76
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	25,5	12	47,06	0,81
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	3,2	1,8	56,25	0,82
3	Số thu sự nghiệp	1.003	162,3	0,16	3,16
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	850	119,731	0,14	2,33
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	150	38,6	25,73	1,40
II	Chi từ nguồn thu được để lại	748	105,542	17,80	2,69
1	Chi sự nghiệp kinh tế	593	105,542	17,80	2,69

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	593	105,542	17,80	2,69
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	155,05	85,532	55,16	3,25
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	155,05	85,532	55,16	3,25
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	44,95	48,157	107,13	1,54
1	Lệ phí				
2	Phí	44,95	48,157	107,13	1,54
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	28,0	28,35	101,25	0,70
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	10	14,9921	149,92	0,28
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	0,5	0,96	200,00	0,18
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	1,1	1,275	121,43	0,18
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	5,1	2,4	47,06	0,16
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	0,3	0,18	56,25	
3	Sự nghiệp			-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.715,4	6.213,46	33,20	1,10
1	Chi quản lý hành chính	9.509,4	3.563,14	37,47	0,79
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.339	3.390,14	46,19	1,23
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.170,4	173,00	7,97	1,11
2	Chi sự nghiệp GD, đào tạo và dạy nghề	27	9,46	35,04	0,79
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	9,46	35,04	0,79

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2024 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi hoạt động kinh tế	9.179	2.640,86	28,77	0,97
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.758	1.246,32	70,89	0,97
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.421	1.394,55	18,79	1,03

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Phần thu

1.1 Thu phí, lệ phí

Tổng số thu 242.711.508 đồng đạt 121,39% kế hoạch được giao trong năm; đạt 60,69% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 48.157.151 đồng đạt 107,13 % so với kế hoạch giao đầu năm.

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 5.512.42.470 đồng đạt 75,11% Kế hoạch được giao, vượt 0,27% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 4.639.054.000 đồng;

Chi phúc lợi tập thể: 397.057.900 đồng;

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm, hội nghị : 328.949.215 đồng;

Chi thuê mướn công tác phí, sửa chữa: 61.027.900 đồng;

Chi nghiệp vụ chuyên môn: 8.000.000 đồng;

Chi các khoản khác: 78.323.455 đồng.

2.2 Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 618.400.000 đồng đạt 28,49% so với Kế hoạch được giao, vượt 0,95% so với cùng kỳ năm trước.

2.3 Chi sự nghiệp 1.245.900.900 đồng đạt 33,65 % kế hoạch được giao cụ thể:

Chi sự nghiệp công nghiệp: 880.340.400 đồng;

Chi sự nghiệp thương mại: 365.560.600 đồng;

2.4 Chi đào tạo: 9.460.000 đồng đạt 35,04% Kế hoạch được giao.

2.5 Chi sự nghiệp Trung tâm

2.5.1 Phần thu sự nghiệp: 158.331.000 đồng

Tổng số thu quý 3 so với năm đạt 16%

Phần chi ngân sách: 1.246.316.000 đồng, đạt 43,85 % kế hoạch giao, đạt 97% so với cùng kỳ năm trước.

2.5.2

Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 1.048.896.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm: 80.056.000 đồng

Chi công tác phí, thuê mướn, mua sắm, sửa chữa: 50.657.000 đồng

Chi các khoản khác: 16.102.000 đồng

Chi phúc lợi, chi thu nhập tăng thêm: 80.056.000 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 616.293.000 đồng

Chi sự nghiệp công nghiệp: 778.255.000 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 444.065.000 đồng

Chi sự nghiệp công nghiệp: 133.222.000 đồng

Chi tiết kiệm năng lượng: 446.800.000 đồng